

MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Câu 1: Dựa theo tiêu phẩm trên, hành vi nào là hành vi bạo lực gia đình?

- a. Hành vi nịnh bợ.
- b. Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm của các thành viên trong gia đình.
- c. Hành vi nói to tiếng.
- d. Không có hành vi nào.

Người dẫn chương trình đọc thêm: Theo điểm b, Khoản 1 Điều 2 Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 "Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm của các thành viên trong gia đình" là hành vi bạo lực gia đình.

Câu 2: Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình như thế nào?

- a. Tư vấn, hòa giải tại cộng đồng; góp ý, phê bình tại cộng đồng dân cư.
- b. Áp dụng biện pháp giáo dục; áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc.
- c. Tạm giữ, xử phạt vi phạm hành chính; xử lý hình sự.
- d. Tất cả các biện pháp trên.

Người dẫn chương trình đọc thêm: Điều 42 Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định:

1. Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hành vi bạo lực gia đình nếu bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của khoản 1 Điều này thì bị thông báo cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người đó để giáo dục.

3. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

Câu 3: Hành vi tiết lộ thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình có vi phạm pháp luật không?

- a. Có
- b. Không

Người dẫn chương trình đọc thêm: Theo Điều 62 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên y tế, nhân viên tư vấn trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình có một trong những hành vi sau đây:

1. Tiết lộ thông tin cá nhân của nạn nhân bạo lực gia đình mà không được sự đồng ý của nạn nhân hoặc người giám hộ của nạn nhân làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của nạn nhân.
2. Cố ý tiết lộ hoặc tạo điều kiện cho người có hành vi bạo lực biết nơi tạm lánh của nạn nhân bạo lực gia đình.

Câu 4: Những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

Trả lời:

- a. Hành vi đưa nạn nhân đi cấp cứu hoặc tạm lánh.
- b. Hành vi giúp nạn nhân thu dọn đồ đạc.
- c. Hành vi trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.
- d. Không có hành vi nào.

Người dẫn chương trình đọc thêm: Theo Điều 8 Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, "hành vi trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình" bị nghiêm cấm.

Câu 5: Khi bị bạo lực gia đình cần báo tin cho ai?

- a. Báo tin cho hàng xóm nơi xảy ra bạo lực gia đình.
- b. Báo tin cho hàng xóm và Ban Điều hành tổ dân phố nơi xảy ra bạo lực gia đình.
- c. Báo tin cho cơ quan công an, ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi xảy ra bạo lực gia đình (Điều 18 Luật PCBLGD 2007)
- d. Không cần báo tin, gia đình tự giải quyết.

Câu 6: Bạo lực gia đình bao gồm:

- a. Bạo lực tinh thần, bạo lực thân thể, bạo lực kinh tế, bạo lực tình dục.
- b. Bạo lực tinh thần, bạo lực thân thể, bạo lực tài chính, bạo lực tình dục.

- c. Bạo lực tinh thần, bạo lực thân thể, bạo lực tài chính, bạo lực tình dục.
 - d. Bạo lực tinh thần, bạo lực thân thể, bạo lực tiền bạc, bạo lực tình dục.
- Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.

Câu 7: Tảo hôn là?

- a. Lấy vợ, lấy chồng sớm so với quy định của pháp luật.
 - b. Lấy vợ, lấy chồng muộn hơn so với quy định của pháp luật.
 - c. Lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.
 - d. Lấy vợ hoặc lấy chồng sớm hoặc muộn hơn theo quy định của pháp luật.
- Theo khoản 8 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Câu 8: Khi nào nam, nữ đủ tuổi kết hôn?

- a. Nam 20 tuổi và nữ 18 tuổi.
- b. Nam và nữ đủ 18 tuổi trở lên.
- c. Nam đủ 20 tuổi và nữ đủ 18 tuổi trở lên.
- d. Nam từ đủ 20 tuổi và nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Câu 9: Ly hôn là gì?

- a. Là chia tay nhau.
 - b. Là không chung sống với nhau như vợ, chồng.
 - c. Là chấm dứt quan hệ vợ, chồng.
 - d. Là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.
- Khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Câu 10: Những người cùng dòng máu trong phạm vi ba đời?

- a. Là có anh, em họ hàng với nhau rất gần.
- b. Là những người có quan hệ huyết thống trong ba đời.
- c. Là có cùng cha mẹ, ông bà trong ba đời.
- d. Là những người có quan hệ huyết thống, trong đó người này sinh ra người kia kế tiếp nhau.

Khoản 17 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Câu 11: Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hành vi nào sau đây bị cấm?

- a. Ly hôn.

b. Ly thân.

c. Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ.

d. Ly hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Điểm c Khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Câu 12: Ai có quyền xử lý việc kết hôn trái pháp luật?

a. Cán bộ phụ trách công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân cấp xã.

b. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

c. Tòa án nhân dân.

d. Viện kiểm sát nhân dân nơi cư trú.

Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Câu 13: Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp nào sau đây?

a. Khi cha mẹ ép phải ly hôn.

b. Khi vợ đang có thai.

c. Khi đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

d. Cả đáp án b và c.

Mục 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Câu 14: Thời điểm nào chấm dứt hôn nhân khi vợ hoặc chồng chết?

a. Hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm vợ hoặc chồng chết.

b. Khi Tòa án nhân dân tuyên bố vợ hoặc chồng là đã chết dựa theo ngày chết được ghi trong bản án, quyết định của Tòa án.

c. Khi vợ hoặc chồng bỏ đi mất tích.

d. Cả đáp án a và b.

Điều 65 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Câu 15: Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt trong trường hợp nào sau đây?

a. Người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc người được cấp dưỡng được nhận làm con nuôi.

b. Người cấp dưỡng đã trực tiếp nuôi dưỡng người được cấp dưỡng.

c. Người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết; bên được cấp dưỡng sau khi ly hôn đã kết hôn và một số trường hợp khác.

d. Cả a, b, c.

Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Câu 16. Anh chị hãy đọc một câu ca dao, tục ngữ nói về tình nghĩa vợ chồng.

- “ Thuận vợ, thuận chồng tát biển đông cạn”.
- Mẹ chồng dữ, mẹ chồng chết
Nàng dâu có nét, nàng dâu chừa.
- Chiều người lấy việc, chiều chồng lấy con.
- Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.
- Giàu đôi bạn, sang đôi vợ.
- Đùng thấy chồng hiền xỏ cái lỗ mũi
- Cùi tre dễ nấu, chồng xấu dễ sai.

...

Câu 17: Theo anh, chị thì tình cảm vợ, chồng phải như thế nào?

+ Vợ - chồng: chung thủy, nghĩa tình

+ Vợ chồng có tình cảm trước sau như một, không thay đổi;

+ Chăm sóc nhau, cùng có trách nhiệm trong nuôi dạy con, làm việc nhà, đóng góp tài chính gia đình;

+ Lắng nghe, cùng nhau thảo luận những vấn đề chung, hòa nhã với nhau.

Câu 18: Theo Anh, chị thì tình cảm anh, chị, em trong gia đình phải như thế nào?

+ Anh em kính trên nhường dưới, là nhà có phúc, mọi đường yên vui.

+ Anh, chị, em: hòa thuận, chia sẻ.

Câu 19: Theo Anh, chị thì tình cảm con với cha mẹ, cháu với ông bà trong gia đình phải như thế nào?

+ Con, cháu có lời nói, cử chỉ, hành động thể hiện sự kính trọng, biết ơn, giúp đỡ cha mẹ, ông bà;

+ Thăm hỏi, chăm sóc động viên, nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà khi cha mẹ, ông bà ốm đau, già yếu.
